

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỒN
TỔ TOÁN

MÔN SỐ VÀ ĐS KHỐI 6

(Từ ngày 11/09/2023 đến ngày 16/09/2023)

TIẾT 5: \$2 TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN. GHI SỐ TỰ NHIÊN

4. Chữ số La Mã

- * Trong hệ la mã, để ghi số tự nhiên người ta thường dùng bảy chữ số: I , V, X có giá trị tương ứng là 1 , 5, 10.
- * Mỗi số La Mã không được viết liền nhau quá 3 lần.
- * Có 6 số La Mã đặc biệt: IV, IX, XL, XC, CD, CM có giá trị tương ứng 4, 9, 40, 90, 400, 900.

Bài 1:

- a) Đọc các số La Mã sau: XIV ; XXVI
- b) Viết các số sau bằng số La Mã: 17 ; 25

Lời giải

- a) Các số La Mã sau: XIV ; XXVI đọc là: mười chín, hai mươi sáu
- b) Viết các số sau bằng số La Mã: 17 ; 25 là: XVII; XXV

Bài 2: Viết các số sau bằng số La Mã từ 1 đến 30.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

TIẾT 6, 7, 8 \$3: CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP SỐ TỰ NHIÊN

A. LÝ THUYẾT

1. Phép cộng và phép nhân

a. Phép cộng

$$\begin{array}{ccccccc} a & + & b & = & c \\ \text{Số hạng} & & \text{Số hạng} & & \text{Tổng} \end{array}$$

b. Phép nhân

$$\begin{array}{ccccccc} a & . & b & = & c \\ \text{Thừa số} & & \text{thừa số} & & \text{tích} \end{array}$$

c. Chú ý

$$a \times b = a.b = ab$$

$$6 \times a \times b = 6.a.b = 6ab$$

$$363 \times 2018 = 363 . 2018$$

d. Tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên

Với a, b, c là các số tự nhiên, ta có:

- Tính chất giao hoán:

$$a + b = b + a$$

$$a.b = b.a$$

- Tính chất kết hợp:

$$(a + b) + c = a + (b + c)$$

$$(a.b).c = a.(b.c)$$

- Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng:

$$a(b + c) = a.b + a.c$$

$$a.b = b.a$$

- Tính chất cộng với số 0, nhân với số 1:

$$a + 0 = 0 + a = a$$

$$a.1 = 1.a = a$$

2. Phép trừ và phép chia

a. Phép trừ

$$\begin{array}{ccccccc} a & - & b & = & x \\ \text{Số bị trừ} & & \text{Số trừ} & & \text{Hiệu} \end{array}$$

b. phép chia

$$\begin{array}{ccccccc} a & : & b & = & x \\ \text{Số bị chia} & & \text{Số chia} & & \text{Thương} \end{array}$$

c. Chú ý: $a(b - c) = a.b - a.c$

B. VÍ DỤ

Bài 1: Tính hợp lí:

- a) $15.37 + 15.63$
- b) $39.156 - 39.56$
- c) $30 + 12.3$
- d) $25.8.4.125$
- e) $16.5 - 90 : 15$
- f) $21 + 22 + 23 + 24 + 25 + 26 + 27 + 28 + 29$

Đáp án:

$$\begin{array}{lll}
 \text{a)} 15.37 + 15.63 & \text{b)} 39.156 - 39.56 & \text{c)} 30 + 12.3 \\
 = 15.(37 + 63) & = 39.(156 - 56) & = 30 + 36 \\
 = 15.100 & = 39.100 & = 66 \\
 = 1500 & = 3900 & \\
 \text{d)} 25.8.4.125 & \text{e)} 16.5 - 90 : 15 & \\
 = (25.4).(8.125) & = 80 - 6 & \\
 = 100.1000 & = 74 & \\
 = 100\,000 & & \\
 \text{f)} 21 + 22 + 23 + 24 + 25 + 26 + 27 + 28 + 29 & & \\
 = (21 + 29) + (22 + 28) + (23 + 27) + (24 + 26) + 25 & & \\
 = 50 + 50 + 50 + 50 + 25 & & \\
 = 50.4 + 25 & & \\
 = 200 + 25 & & \\
 = 225 & &
 \end{array}$$

Bài 2: Tìm x, biết

- a) $x + 25 = 72$
- b) $121 - 45 : x = 112$
- c) $7(18 - x) = 21$

Đáp án:

$$\begin{array}{lll}
 \text{a)} x + 25 = 72 & \text{b)} 121 - 45 : x = 112 & \text{c)} 7(18 - x) = 21 \\
 x = 72 - 25 & 45 : x = 121 - 112 & 18 - x = 21 : 7 \\
 x = 47 & 45 : x = 9 & 18 - x = 3 \\
 & x = 45 : 9 & x = 18 - 3 \\
 & x = 5 & x = 15
 \end{array}$$

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG**Bài 1: Tính hợp lí:**

- a) $26.43 + 57.26$
- b) $27.134 - 27.34$

c) $49 - 72 : 8$

d) $30 \cdot 40 \cdot 50 \cdot 60$

e) $16 \cdot 5 - 90 : 15$

f) $2021 + 2022 + 2023 + 2024 + 2025 + 2026 + 2027 + 2028 + 2029$

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI 1: Tính

1) $7 + 9 + 11 + 15 + 19 + 21 + 23$

2) $25.15.4.6$

.....

.....

.....

.....

3) $15.23 + 15.77$

4) $12.56 + 12.44 - 700$

.....

.....

.....

.....

5) $40 - 35 : 7 + 56$

6) $40 + 15.2 - 38$

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: Tìm x, biết:

1) $x - 15 = 6$

2) $x . 15 = 60$

.....

.....

.....

.....

3) $x + 18 = 36$

4) $x : 4 = 18$

.....

.....

.....

.....

5) $59 - x = 21$

6) $90 : x = 30$

.....

.....

.....

.....

.....

7) $2x - 15 = 29$

8) $25 : x + 8 = 13$

.....

.....

.....

.....

.....

9) $41 - (x - 13) = 13$

10) $7(5 + x) = 21$

.....

.....

.....

.....

.....

11) $49 : (7 - x) = 7$

12) $(2x - 1) : 5 = 3$

.....

.....

.....

.....

.....